

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2025

V/v Xin ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết Nga

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Giang Ngân – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 114/2025/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1986, địa chỉ ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ hiện nay ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long. (Xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Trương Phước T1, sinh năm 1985 địa chỉ ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ hiện nay ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2025 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Năm 2013 Chị T và anh Trương Phước T1 quen biết nhau nên tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận ngày 15/7/2013.

Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh T1 có 03 con chung tên Trương Hoàng S, sinh ngày 04/9/2013, cháu Trương Hoàng M, sinh ngày 02/4/2015 và

cháu Trương Hoàng Đ, sinh ngày 27/02/2020, hiện con chung đang do anh T1 nuôi dưỡng.

Vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng không có tiếng nói chung, lâu dần không còn tình cảm với nhau, chị và anh T1 đã sống ly thân với nhau. Chị T đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị T yêu cầu ly hôn với anh Trương Phước T1.

Về nuôi dưỡng con chung: Chị T đồng ý để anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Hoàng S, sinh ngày 04/9/2013, cháu Trương Hoàng M, sinh ngày 02/4/2015 và cháu Trương Hoàng Đ, sinh ngày 27/02/2020 chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến trình bày của bị đơn anh Trương Phước T1:* Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án. Tại biên bản ngày 07/9/2025 anh T1 có ý kiến trình bày: Về hôn nhân đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Con chung có 3 cháu như nguyên đơn trình bày, hiện do anh T1 nuôi dưỡng, nếu ly hôn anh T1 đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, anh T1 từ chối cung cấp ý kiến của cháu S, cháu M.

-Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật và ý kiến đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện quyền nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện quyền nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; áp dụng Điều 51, 56, 81,82,83 và Điều 84, 107,116,117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T đối với anh Trương Phước T1. Cho chị Hoàng Thị T ly hôn với anh Trương Phước T1.

2. Về nuôi dưỡng con chung: Giao Cháu Trương Hoàng S, sinh ngày 04/9/2013, cháu Trương Hoàng M, sinh ngày 02/4/2015 và cháu Trương Hoàng Đ, sinh ngày 27/02/2020 cho anh Trương Phước T1 nuôi dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị T cấp dưỡng nuôi cháu Trương Hoàng S, sinh ngày 04/9/2013 mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); cấp dưỡng nuôi cháu Trương Hoàng M, sinh ngày 02/4/2015 mỗi

tháng số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); cấp dưỡng nuôi cháu Trương Hoàng Đ, sinh ngày 27/02/2020 mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 30/9/2025 cho đến khi cháu cháu Trương Hoàng S, cháu Trương Hoàng M và cháu Trương Hoàng Đ đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Hoàng Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long giải quyết ly hôn Anh Trương Phước T1, sinh năm 1985 địa chỉ ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ hiện nay ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long. Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham dự phiên tòa sơ thẩm cho anh Trương Phước T1 đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh T1 hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh T1, ngày 04/8/2025 chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Khoản 1,3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị T và anh Trương Phước T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân chị Hoàng Thị T và anh Trương Phước T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận ngày 15/7/2013 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu ly hôn của chị T là hoàn toàn có cơ sở. Bởi vì, về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 trầm trọng là đúng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại anh chị đã sống ly thân, anh T1 đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải nhưng không tham gia và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị T, cho nên không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Trương Phước T1.

[2.2] Về nuôi dưỡng con chung: Cháu Trương Hoàng S, sinh ngày 04/9/2013, cháu Trương Hoàng M, sinh ngày 02/4/2015 và cháu Trương Hoàng

Đ, sinh ngày 27/02/2020 hiện đang do anh T1 nuôi dưỡng nên chị T đồng ý để anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét yêu cầu này của chị Thành Hội Đ1 xét xử xét thấy, căn cứ biên bản ngày 10/9/2025 ý kiến của anh T1 nếu ly hôn anh T1 đồng ý tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên, việc chị T tự nguyện giao con chung cho anh T1 nuôi và tự nguyện nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng/ 1 cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là sự tự nguyện của chị T và hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị T không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Chị Hoàng Thị T phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Vĩnh Long là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Khoản 1,3 Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 (Đã sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào Điều 9, 56 và Điều 81, 82, 83, 84,110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T đối với anh Trương Phước T1. Cho chị Hoàng Thị T ly hôn với anh Trương Phước T1.

2. Về nuôi dưỡng con chung: Giao Cháu Trương Hoàng S, sinh ngày 04/9/2013, cháu Trương Hoàng M, sinh ngày 02/4/2015 và cháu Trương Hoàng Đ, sinh ngày 27/02/2020 cho anh Trương Phước T1 nuôi dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

- Chị Hoàng Thị T cấp dưỡng nuôi cháu Trương Hoàng S, sinh ngày 04/9/2013 mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 30/9/2025 cho đến khi cháu Trương Hoàng S, sinh ngày 04/9/2013 đủ 18 tuổi;

- Chị Hoàng Thị T cấp dưỡng nuôi cháu Trương Hoàng M, sinh ngày 02/4/2015 mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 30/9/2025 cho đến khi cháu Trương Hoàng M, sinh ngày 02/4/2015 đủ 18 tuổi;

- Chị Hoàng Thị T cấp dưỡng nuôi cháu Trương Hoàng Đ, sinh ngày 27/02/2020 mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 30/9/2025 cho đến khi cháu Trương Hoàng Đ, sinh ngày 27/02/2020 đủ 18 tuổi;

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Hoàng Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu : BLTU/25E số 0001632 ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Vậy chị Hoàng Thị T còn phải tiếp tục nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND. Tỉnh Vĩnh Long 01;
- VKSNDKV 1- Vĩnh Long 01;
- THADS. Tỉnh Vĩnh Long 01;
- UBND xã Phú Quới 01;
- Các đương sự 02;
- Lưu hồ sơ 03.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Diễm